TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/4/2019.
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trần Văn Minh.

2- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 241/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1992 (có mặt).

HKTT: Ấp X1, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã NY, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X1, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2018 nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T về chung sống với nhau năm 2013, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương. Đến ngày 24/01/2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống với nhau đến đầu năm 2018 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cự cải nhau, thậm chí anh T còn đánh đập chị, từ đó vợ chồng đã ly thân cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Ngọc Lan A, sinh ngày 08/8/2014, từ khi ly thân đến nay chị nuôi dưỡng cháu, cuộc sống của cháu cũng ổn định và bản thân chị cũng có điều kiện nuôi con. Nay chị yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị D không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị D.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày nêu trên. Ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn T vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Lê Thị D, xử cho chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Lê Thị D là giao cháu Nguyễn Ngọc Lan A, sinh ngày 08/8/2014 cho chị Lê Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn T về chung sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của chị D và anh T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, sau khi vợ chồng về chung sống được thời gian thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường cự cải nhau, thậm chí anh T đánh đập chị D, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau cho đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay anh T cũng bỏ mặt vợ con.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị D xử cho chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn T ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn T có 01 người con tên Nguyễn Ngọc Lan A, sinh ngày 08/8/2014, chị D yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của chị D là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, từ khi ly thân đến nay chị D là người nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu A cũng ổn định, bản thân chị D có điều kiện nuôi con, hơn nữa cháu A còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, xử giao cháu Nguyễn Ngọc Lan A cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xư cho chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Lê Thị D là giao cháu Nguyễn Ngọc Lan A, sinh ngày 08/8/2014 cho chị Lê Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tất có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị D và anh Tất có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0005754, ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị D có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/4/2019). Đối với anh T vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Đ1;.
- Các đương sự;;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm